

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2023.

*“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi  
con sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Mỹ Dung.*

*2. Bà Bùi Thanh Thúy.*

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Nguyễn Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp*** tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/6/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2023 về việc *“tranh chấp xin ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXX-ST ngày 28/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/QĐST-DS ngày 24/5/2023 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Danh Thị Cẩm D, sinh năm 1992 (*vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/4/2023*)

*Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.*

*Chỗ ở: Hẻm 211, Khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;*

***- Bị đơn:*** Lê Chê L, sinh năm 1988 (*vắng mặt*).

*Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Danh Thị Cẩm D trình bày:*

Chị Danh Thị Cẩm D và anh Lê Chế L do quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận hôn nhân số 14 ngày 21/02/2013.

Sau khi kết hôn chị D và anh L sống nhờ nhà cha, mẹ ruột của anh L tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Chị D sống được khoảng 01 năm thì đi làm và ở trọ tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai cho đến nay.

Thời gian đầu sau khi kết hôn chị D và anh L chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L không quan tâm chăm sóc gia đình, lo chơi game trên mạng ăn tiền, chơi số đề dẫn đến thiếu nợ nhiều người, ngoài ra anh L có người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, mất dần tình cảm. Chị D có khuyên anh L, nhưng anh L không sửa đổi để hàn gắn tình cảm gia đình.

Nay chị Danh Thị Cẩm D cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn, tính tình không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh Lê Chế L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Lê Danh Phương V, sinh ngày 22/10/2013 và Lê Danh Phương Th, sinh ngày 09/10/2018 (hiện 02 con đang sống với chị D). Chị D yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chị D và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị Danh Thị Cẩm D hiện nay làm công ty giấy da mỗi tháng được 10.000.000 đồng, đủ điều để lo cho hai con Lê Danh Phương V, sinh ngày 22/10/2013 và Lê Danh Phương Th, sinh ngày 09/10/2018.

Về tài sản chung: Chị Danh Thị Cẩm D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Danh Thị Cẩm D trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Danh Thị Cẩm D tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Bị đơn anh Lê Chế L vắng mặt không có ý kiến trình bày:*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Lê Chế L không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về việc đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử theo hướng:  
+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Danh Thị Cẩm D.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Lê Danh Phương V, sinh ngày 22/10/2013 và Lê Danh Phương Th, sinh ngày 09/10/2018 (hiện 02 con đang sống với chị D). Đề nghị tuyên giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng sau khi ly hôn, việc cấp dưỡng nuôi con chị D và anh L tự thỏa thuận, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Anh Lê Chế L được quyền đến năm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

+ Về tài sản chung: Chị Danh Thị Cẩm D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Danh Thị Cẩm D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Danh Thị Cẩm D yêu cầu ly hôn với anh Lê Chế L. Anh L có nơi cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào các Điều 56, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*tranh chấp xin ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa anh Lê Chế L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng của Tòa án anh L là người nhận các văn bản tố tụng nhưng anh L vắng mặt, đồng thời không có văn bản ý kiến trình bày. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 24/5/2023, tại phiên tòa lần hai (ngày 12/6/2023) anh L vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Lê Chế L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Chị D và anh L quen biết nhau tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận nhân kết hôn số 14 ngày 21/02/2013 do đó hôn nhân của chị D và anh L là hợp pháp.

Thời gian đầu sau khi kết hôn chị D và anh L chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L không quan tâm chăm sóc gia đình, lo chơi game trên mạng ăn tiền, chơi số đề dẫn đến thiếu nợ nhiều người, ngoài ra anh L có người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, mất dần tình cảm. Chị D có khuyên anh L, nhưng anh L không sửa đổi, để hàn gắn tình cảm gia đình nên chị D

cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn, tính tình không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh Lê Chế L. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho anh Lê Chế L (anh L trực tiếp ký nhận thông báo thụ lý và thông báo hòa giải của Tòa án) ngoài ra theo xác nhận của Công an xã An Hiệp anh L cuối tuần có về nhà, từ đó đủ cơ sở xác định được anh L biết chị D xin ly hôn, nhưng anh L không có ý kiến, cũng không đến Tòa án để trình bày. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh L thừa nhận các ý kiến chị D trình bày và đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Từ các căn cứ trên xác định hôn nhân giữa chị D và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Lê Danh Phương V, sinh ngày 22/10/2013 và Lê Danh Phương Th, sinh ngày 09/10/2018 (hiện 02 con đang sống với chị D). Chị D yêu cầu được nuôi 02 con sau khi ly hôn, anh L không có ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy hai con đã sống với chị D hiện đã ổn định do đó tiếp tục giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị D và anh L tự thỏa thuận, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Anh Lê Chế L được quyền đến năm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Chị Danh Thị Cẩm D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Danh Thị Cẩm D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu xin ly hôn của chị D được chấp nhận nên chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp được trừ vào án phí chị D phải chịu.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Khiêm là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Các Điều 56, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Danh Thị Cẩm D.

Chị Danh Thị Cẩm D được ly hôn với anh Lê Ché L.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao 02 con chung tên Lê Danh Phương V, sinh ngày 22/10/2013 và Lê Danh Phương Th, sinh ngày 09/10/2018 cho chị D nuôi dưỡng sau khi ly hôn (hiện 02 con đang sống với chị D). Về cấp dưỡng nuôi con chị D và anh L tự thỏa thuận, chị D không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Anh Lê Ché L được quyền đến năm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Danh Thị Cẩm D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Danh Thị Cẩm D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Danh Thị Cẩm D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017292 ngày 07/3/2023 được trừ vào án phí chị D phải nộp (chị D đã nộp xong án phí).

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (số 14 ngày 21/02/2013);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Văn Nhân**